SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI TP.HCM
TRƯỜNG TRUNG CẤP QUANG TRUNG
KHOA Y

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do -Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM TOÀN KHÓA_XÉT ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI TỐT NGHIỆP LẦN 1 - KHÓA THI NGÀY 15/01/2018
NGÀNH: ĐIỀU DƯỠNG, KHÓA: 8 (ĐỢT 1,2) - NIÊN KHÓA: 2015-2017
##

Tổng số ĐVHT toàn khóa: 101

						HỌC PHẦN																																		TỔNG KẾT TOÀN KHÓA						
STT	Họ Và Tên		Giới tính	Ngày Tháng Năm sinh	Nơi sinh	Giáo dục thể chất	Giáo dục quốc phòng -	Pháp luật	Tin học đại cương	Vi sinh Ký sinh trùng	Giải phẫu sinh lý	Dược lý	Dinh Dưỡng	SK - MT - VS Nâng cao SK	Anh văn căn bản	Điều dưỡng CS1	Điều dưỡng CS2	Đạo đức nghề nghiệp ĐD	Kiểm soát nhiễm khuẩn	CS Nội 1	CS Nội 2	CS Ngoại khoa	TH Nội 1	TH Ngoại	Tâm lý GDSK	Y học cổ truyền	Anh văn chuyên ngành	Chăm sóc SK trẻ em	Chăm sóc SK phụ nữ và gia đình	TH Nội 2	TH Chăm sóc SK trẻ em	Tin học chuyên ngành	Kỹ năng giao tiếp	Điều dưỡng chuyên khoa	CS NBCC và CS tích cực	TH CS SK Phụ nữ và Gia đình	Thực tập chuyên khoa	Chính trị	Thực tập tốt nghiệp	Điểm TB TK	% Số ĐVHT thi lại	Xếp loại học tập TK	Điểm đánh giá rèn luyện TK	Xếp loại rèn luyện TK	XÉT ĐIỀU KIỆN THI TỐT NGHIỆP	Lớp
						2	3	2	3	2	4	2	2	2	5	5	5	2	3	4	5	3	3	4	2	2	2	2	2	4	3	2	2	5	2	3	4	5	5							
						TK	TK	TK	TK	TK	TK	TK	TK	TK	TK	TK	TK	TK	TK	TK	TK	TK	TK	TK	TK	TK	TK	TK	TK	TK	TK	TK	TK	TK	TK	TK		TK	TK							
1	Tou Prong Nai	Anne	Nữ	05/02/1995	Lâm Đồng	8.5	7.7	5.5	5.7	6.3	10.0	6.4	7.6	7.5	5.0	8.2	6.5	8.9	7.9	7.9	6.1	8.9	8.0	8.0	8.9	6.8	5.0	7.7	9.5	9.0	9.0	5.7	8.9	7.9	8.1	9.0	9.0	6.5	5.0	7.5	0.0	Khá	82	Tốt	Đủ điều kiện dự thi TN	DD8B1
2	Kon Sơ Ya	Bông	Nam	11/12/1996	Lâm Đồng	9.1	6.9	7.0	8.4	7.1	9.9	7.3	8.2	8.4	6.1	8.0	7.8	8.9	9.0	7.5	7.4	8.8	8.0	8.0	9.0	6.2	6.1	8.3	9.2	9.0	9.0	8.4	9.0	5.4	8.7	9.0	9.0	6.0	7.0	7.8	0.0	Khá	85	Tốt	Đủ điều kiện dự thi TN	DD8B1
3	Huỳnh Thị Kim	Cương	Nữ	05/01/1989	TP.HCM	8.7	7.7	7.6	7.3	9.1	9.8	7.3	8.8	8.3	5.2	8.5	8.3	9.3	8.9	8.8	6.5	8.9	9.5	9.5	9.3	8.0	5.2	8.3	9.6	8.5	9.0	7.3	9.3	9.2	8.9	9.0	8.5	8.1	9.5	8.4	0.0	Giỏi	90	Xuất Sắc	Đủ điều kiện dự thi TN	DD8B1
4	Điểu Thị Bích	Đào	Nữ	05/08/1994	Đồng Nai	7.5	6.9	7.6	5.2	7.3	10.0	7.2	8.8	8.6	5.1	8.9	8.2	8.9	8.2	8.6	7.4	8.8	8.0	8.0	9.8	6.7	5.1	8.7	8.9	9.0	9.0	5.2	9.8	8.2	8.9	9.0	9.0	7.0	7.0	8.0	6.9	Giỏi	86	Tốt	Đủ điều kiện dự thi TN	DD8B1
5	Lê Tấn	Đạt	Nam	23/01/1985	An Giang	8.0	7.9	7.0	5.0	9.0	9.9	7.2	7.0	7.8	6.3	9.2	8.2	9.7	8.9	8.7	5.3	8.9	9.5	9.5	9.1	7.8	6.3	9.0	8.9	8.5	9.0	5.0	9.1	9.3	8.6	9.0	8.5	6.0	9.5	8.2	0.0	Giỏi	90	Xuất Sắc	Đủ điều kiện dự thi TN	DD8B1
6	Trần Thị Như	Ngọc	Nữ	09/07/1981	TP.HCM	7.0	7.0	6.1	7.2	8.1	9.7	6.7	7.6	8.2	5.7	8.8	8.8	8.7	8.7	9.0	6.9	9.5	8.0	8.0	8.4	6.6	5.7	9.0	9.3	9.0	9.0	7.2	8.4	9.4	8.0	9.0	9.0	6.8	9.0	8.2	0.0	Giỏi	90	Xuất Sắc	Đủ điều kiện dự thi TN	DD8B1
7	Nguyễn Thị Yến	Nhi	Nữ	05/07/1997	Bến Tre	9.0	6.9	5.5	5.0	6.9	8.2	6.3	7.4	7.7	8.0	8.9	6.5	8.9	7.9	7.9	5.5	8.1	8.0	8.0	9.1	6.1	8.0	9.0	9.2	9.0	9.0	5.0	9.1	6.5	8.1	9.0	9.0	6.5	7.0	7.6	8.9	Khá	86	Tốt	Đủ điều kiện dự thi TN	DD8B1
8	Tạ Thị Yến	Nhi	Nữ	30/12/1997	Long An	7.4	6.7	7.0	7.5	8.8	10.0	9.0	6.8	7.6	8.0	8.6	6.2	8.9	8.5	7.9	5.2	8.8	8.0	8.0	8.8	7.0	8.0	8.7	9.2	9.0	9.0	7.5	8.8	7.0	7.4	9.0	9.0	6.5	7.0	7.9	12.9	Khá	87	Tốt	Đủ điều kiện dự thi TN	DD8B1
9	Cil Đa	Nien	Nam	02/09/1994	Lâm Đồng	9.1	6.3	7.0	7.0	7.0	9.9	8.5	8.2	8.3	5.0	8.8	7.7	8.9	8.5	7.7	5.4	8.2	8.0	8.0	8.9	6.4	5.0	8.3	9.2	9.0	9.0	7.0	8.9	7.8	8.0	9.0	9.0	7.0	6.0	7.7	16.8	Khá	84	Tốt	Đủ điều kiện dự thi TN	DD8B1
10	Lê Thị Hoàng	Oanh	Nữ	05/06/1989	Tiền Giang	7.7	6.9	7.6	8.9	8.5	8.7	6.5	7.4	8.0	6.7	8.9	7.6	9.3	8.7	8.1	5.5	9.0	9.0	9.0	8.3	7.2	6.7	8.3	9.3	8.0	8.5	8.9	8.3	7.9	8.0	8.5	8.0	6.4	9.0	8.0	0.0	Giỏi	90	Xuất Sắc	Đủ điều kiện dự thi TN	DD8B1
11	Trần Thị Thanh	Tâm	Nữ	28/09/1987	TP.HCM	7.8	6.8	7.6	7.9	7.9	10.0	6.9	8.8	8.1	5.1	8.3	8.1	8.9	8.8	8.8	7.4	8.6	9.5	9.5	9.8	7.9	5.1	8.3	9.2	8.5	9.0	7.9	9.8	7.5	8.7	9.0	8.5	7.7	9.5	8.3	0.0	Giỏi	90	Xuất Sắc	Đủ điều kiện dự thi TN	DD8B1
12	Trần Thị Hồng	Thêu	Nữ	07/11/1982	Nam Định	8.0	7.0	7.0	6.1	8.7	9.7	7.6	6.1	7.7	5.8	8.8	8.4	8.7	7.9	8.6	6.8	9.0	9.5	9.5	8.7	7.2	5.8	9.3	9.1	8.5	9.5	6.1	8.7	9.4	8.6	9.5	8.5	6.8	9.5	8.2	0.0	Giỏi	90	Xuất Sắc	Đủ điều kiện dự thi TN	DD8B1
13	Ka	Thủy	Nữ	27/11/1997	Lâm Đồng	7.9	7.7	7.6	5.1	7.2	9.9	5.7	8.8	8.3	9.0	8.5	7.2	9.2	7.9	8.1	6.7	8.2	8.5	8.5	9.5	6.6	9.0	7.8	9.2	9.0	8.5	5.1	9.5	7.9	8.9	8.5	9.0	6.6	5.0	7.9	6.9	Khá	86	Tốt	Đủ điều kiện dự thi TN	DD8B1
14	Nguyễn Ngọc Cẩm	Tiên	Nữ	09/04/1996	Sóc Trăng	7.0	6.9	7.0	7.0	7.0	9.1	6.7	6.4	8.0	7.5	8.6	7.1	8.8	8.5	8.0	5.3	8.6	8.5	8.5	8.7	6.6	7.5	9.0	9.3	9.0	8.5	7.0	8.7	6.4	7.1	8.5	9.0	6.0	7.0	7.7	16.8	Khá	84	Tốt	Đủ điều kiện dự thi TN	DD8B1
15	Vũ Thị	Tiến	Nữ	06/06/1995	Thanh Hóa	7.1	7.7	7.6	5.2	6.7	10.0	6.7	8.2	7.7	7.0	8.3	8.0	8.3	8.7	8.0	6.1	8.2	8.5	8.5	6.4	6.0	7.0	9.3	9.0	9.0	8.5	5.2	6.4	7.9	7.3	8.5	9.0	7.6	7.0	7.8	13.9	Khá	84	Tốt	Đủ điều kiện dự thi TN	DD8B1
16	Phan Hồ Tuyết	Trinh	Nữ	10/07/1984	Tiền Giang	8.0	6.9	7.0	5.1	8.7	9.9	6.7	6.1	7.4	5.3	8.8	8.6	8.1	8.5	8.6	6.2	9.0	9.5	9.5	8.4	7.1	5.3	9.0	9.2	8.5	9.0	5.1	8.4	9.4	8.7	9.0	8.5	7.4	9.5	8.1	0.0	Giỏi	90	Xuất Sắc	Đủ điều kiện dự thi TN	DD8B1
17	Huỳnh Xuân	Trường	Nữ	06/12/1991	TP.HCM	7.0	8.7	6.0	5.1	8.2	6.0	6.4	6.4	7.4	6.0	7.9	7.5	8.8	9.1	8.1	5.2	9.0	9.5	9.5	8.3	5.0	6.0	8.3	9.1	8.5	8.5	5.1	8.3	8.9	7.7	8.5	8.5	7.5	5.0	7.5	0.0	Khá	82	Tốt	Đủ điều kiện dự thi TN	DD8B1
18	Nguyễn Minh Nhật	Uyển	Nữ	26/10/1989	TP.HCM	7.9	6.8	7.0	7.0	9.6	8.2	6.3	8.8	7.5	5.1	8.6	7.4	9.2	8.5	8.7	6.2	8.9	9.0	9.0	9.7	7.5	5.1	8.3	9.3	9.0	8.5	7.0	9.7	8.7	8.6	8.5	9.0	6.5	7.0	7.9	0.0	Khá	88	Tốt	Đủ điều kiện dự thi TN	DD8B1
19	Điểu Thị Xuân	Yến	Nữ	20/07/1996	Đồng Nai	8.0	7.7	7.0	5.4	7.3	10.0	6.2	6.4	8.6	9.0	8.9	7.4	8.3	8.5	8.0	6.2	8.8	9.0	9.0	8.3	6.6	9.0	8.7	9.2	9.0	8.5	5.4	8.3	9.4	8.9	8.5	9.0	7.6	5.0	8.0	6.9	Giỏi	87	Tốt	Đủ điều kiện dự thi TN	DD8B1
20	Phan Hải	Đăng	Nữ	28/01/1997	Đồng Tháp	8.6	6.9	4.8	5.2	6.1	8.8	5.4	5.0	8.0	8.0	7.7	7.4	8.9	7.9	7.9	5.5	8.7	8.0	8.0	8.0	6.4	8.0	8.7	9.1	9.0	9.0	5.2	8.0	8.1	7.4	9.0	9.0	6.3	7.0	7.5	13.9	Khá	84	Tốt	Không đủ điều kiện dự thi TN	DD8B1
21	Nguyễn Minh	Vũ	Nam	26/02/1987	TP.HCM	0.0	0.0	0.0	0.0	9.1	9.9	0.0	8.8	0.0	0.0	8.8	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	1.2	0.0	Kém	20	Kém	Không đủ điều kiện dự thi TN	DD8B1

Tổng danh sách: **21 học sinh**

Xếp loại kết quả học tập theo học kỳ và năm học căn cứ vào điểm trung bình chung học kỳ, năm học, cụ thể:

- Loại Xuất sắc: Từ 9,0 đến 10 điểm
- Loại Trung bình: Từ 5,0 đến 5,9 điểm
- Loại Yếu: Từ 4,0 đến 4,9 điểm
- Loại Khá: Từ 7,0 đến 7,9 điểm
- Loại TB khá: Từ 6,0 đến 6,9 điểm
- Loại Kém: Dưới 4,0 điểm

Học sinh có điểm đạt xếp loại giỏi trở lên bị hạ xuống một mức xếp loại nếu thuộc một hoặc nhiều trường hợp sau

- Bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong học kỳ hoặc năm học được xếp loại kết quả học tập
- Có tổng số ĐVHT của các học phần thi lại vượt quá 10% so với tổng số ĐVHT quy định cho học kỳ, năm học

*** Kết quả học tập:**

XẾP LOẠI	SL	TL%
Xuất sắc	-	-
Giỏi	9	42.9
Khá	11	52.4
TB Khá	-	-
Trung bình	-	-
Yếu	-	-
Kém	1	4.8
Tổng	**21**	**100**

*** Kết quả rèn luyện:**

XẾP LOẠI	SL	TL%
Xuất sắc	7	33.3
Tốt	13	61.9
Khá	-	-
TB Khá	-	-
Trung bình	-	-
Yếu	-	-
Kém	1	4.8
Tổng	**21**	**100**

*** Kết quả xét điều kiện thi tốt nghiệp:**

XÉT ĐK DỰ THI TN	SL	TL%
Đủ điều kiện dự thi TN	19	90.5
Không đủ điều kiện dự thi TN	2	9.5
TỔNG	**21**	**100**

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

PHÒNG ĐÀO TẠO

TP.HCM, ngày …. tháng …. năm 2018
HIỆU TRƯỞNG